

Đại học Thái Nguyên công bố thông tin tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hình thức chính quy vào các trường đại học thành viên và các đơn vị đào tạo thuộc và trực thuộc năm 2025, như sau:

1. Phương thức tuyển sinh

TT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển
1	301	Xét tuyển thẳng theo quy định Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT
2	416	Xét theo Kết quả đánh giá đầu vào đại học trên máy tính V-SAT
3	402	- Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội (HSA) - Xét theo Kết quả đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) - Xét theo Kết quả đánh giá tư duy của Đại học Bách Khoa Hà Nội (TSA)
4	100	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025
5	200	Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
6	405	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp Thi năng khiếu
7	406	Xét tuyển theo theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) kết hợp Thi năng khiếu
8	409	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp chứng chỉ quốc tế
9	410	Xét tuyển theo kết quả học tập cấp THPT (học bạ) kết hợp chứng chỉ quốc tế
10	500	- Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học - Xét chuyển học sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học kết hợp thi năng khiếu

2. Chỉ tiêu và ngành tuyển sinh:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
I	TRƯỜNG ĐH KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH 1. Mã Trường: DTE 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: http://tueba.edu.vn; http://tuyensinh.tueba.edu.vn. 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083 647 714; 0987 697 697; 0982 038 709				3100
1	7460108	Khoa học dữ liệu	7460108	Khoa học dữ liệu	50
2	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	100
3	7340301	- Kế toán - Kế toán kiểm toán	7340301	Kế toán	600
4	7340101	- Kinh doanh số - Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	350

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
5	7340404	Quản trị nhân lực	7340404	Quản trị nhân lực	150
6	7340115	- Quản trị Marketing - Digital marketing	7340115	Marketing	300
7	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	200
8	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	60
9	7340403	Quản lý kinh tế	7340403	Quản lý công	50
10	7380107	Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	550
11	7340201	- Tài chính - ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Công nghệ tài chính	7340201	Tài chính - ngân hàng	200
12	7810103	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100
13	7310101	- Kinh tế - Kinh tế số	7310101	Kinh tế	70
14	7310104	Kinh tế đầu tư	7310104	Kinh tế đầu tư	110
15	7310105	Kinh tế phát triển	7310105	Kinh tế phát triển	50
16	7340101-TA	Quản trị kinh doanh (Chương trình dạy và học bằng tiếng Anh)	7340101	Quản trị kinh doanh	30
17	7340115-TA	Quản trị Marketing	7340115	Marketing	30
18	7340201-TA	Tài chính	7340201	Tài chính – Ngân hàng	20
19	7810103- TA	Quản trị du lịch và khách sạn	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	20
Chỉ tiêu đào tạo tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang					
20	7310101-HG	- Kinh tế - Kinh tế số	7310101	Kinh tế	30
21	7810103-HG	Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	30
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP 1. Mã tuyển sinh: DTK 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://www.tnut.edu.vn 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083.847.359 hoặc 0912.847.588				3250
1.1	KTC	Cơ khí chế tạo máy	7520103	Kỹ thuật cơ khí	150
1.2	KTC1	Tự động hóa thiết kế và chế tạo	7520103	Kỹ thuật cơ khí	50
2.1	KDO1	Kỹ thuật ô tô điện và điều khiển thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30
2.2	KDO2	Kỹ thuật ô tô và giao thông thông minh	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	30
3.1	CTO	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	250
3.2	CTO1	Công nghệ ô tô điện và ô tô lai	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	150

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
4	KCT	Kỹ thuật Cơ điện tử	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	340
5.1	CBM	Công nghệ điện tử, bán dẫn và vi mạch	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	60
5.2	KVT	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	7520207	Kỹ thuật Điện tử - viễn thông	90
6	KMT	Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	120
7	TDH	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	450
8	KTD	Kỹ thuật điện	7520201	Kỹ thuật điện	210
9	KXD	Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	30
10	KCN	Kinh tế công nghiệp	7510604	Kinh tế công nghiệp	50
11.1	QLC	Quản lý công nghiệp	7510601	Quản lý công nghiệp	60
11.2	QLC1	Logistics	7510601	Quản lý công nghiệp	30
12	CTM	Công nghệ chế tạo máy	7510202	Công nghệ chế tạo máy	60
13	CDT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	350
14	KVL	Kỹ thuật vật liệu	7520309	Kỹ thuật vật liệu	30
15	KTM	Kỹ thuật môi trường	7520320	Kỹ thuật môi trường	30
16	NNA	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	40
17	CDK	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	450
18	CTC	Công nghệ sản xuất tự động	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	100
19	CTT	Tự động hóa cơ khí – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905218	Kỹ thuật cơ khí (CTTT)	30
20	DTT	Kỹ thuật điện – Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh	7905228	Kỹ thuật điện (CTTT)	30
21	KRB	Kỹ thuật Robot	7520107	Kỹ thuật Robot	30
III	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM 1. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTS 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://tuyensinh.tnue.edu.vn 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0856.986.828 hoặc 0961.692.468				1730
1	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	250
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	250
3	7140205	Giáo dục Chính trị	7140205	Giáo dục Chính trị	50
4	7140206	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	50
5	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	120
6	7140210	Sư phạm Tin học	7140210	Sư phạm Tin học	90
7	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	50

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
8	7140212	Sư phạm Hoá học	7140212	Sư phạm Hoá học	50
9	7140213	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	50
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	100
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	7140218	Sư phạm Lịch sử	50
12	7140219	Sư phạm Địa lý	7140219	Sư phạm Địa lý	50
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	120
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	70
15	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	60
16	7140204	Giáo dục Công dân	7140204	Giáo dục Công dân	50
17	7140221	Sư phạm Âm nhạc	7140221	Sư phạm Âm nhạc	50
18	7140101	Giáo dục học	7140101	Giáo dục học	60
19	7310403	Tâm lí học giáo dục	7310403	Tâm lí học giáo dục	60
20	7420203	Sinh học ứng dụng	7420203	Sinh học ứng dụng	50
21	7140207	Huấn luyện thể thao	7140207	Huấn luyện thể thao	50
IV	TRƯỜNG ĐH Y – DƯỢC 1. Mã tuyển sinh: DTY 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://tump.edu.vn 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083 854 504; 02083 840 618; 02083 858 713				1450
1	DTY101	Bác sĩ Y khoa	7720101	Y khoa	600
2	DTY110	Bác sĩ Y học dự phòng	7720110	Y học dự phòng	100
3	DTY201	Dược sĩ ngành Dược học	7720201	Dược học	200
4	DTY301	Cử nhân ngành Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	230
5	DTY302	Cử nhân ngành Hộ sinh	7720302	Hộ sinh	50
6	DTY501	Bác sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	90
7	DTY601	Cử nhân ngành Kỹ thuật xét nghiệm	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	60
8	DTY602	Cử nhân ngành Kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh	7720602	Kỹ thuật hình ảnh y học	60
9	DTY603	Cử nhân ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng	7720603	Kỹ thuật phục hồi chức năng	60
V	TRƯỜNG ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG 1. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTC 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://ictu.edu.vn/ 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0981.336628 - 0981.336629				3650
1	7210403	Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	300

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
2	7220201	Tiếng anh truyền thông	7220201	Ngôn ngữ anh	50
3	7310109	Quản trị kinh doanh số	7310109	Kinh tế số	40
4	7310109_TC	Công nghệ tài chính	7310109	Kinh tế số	40
5	7320104	Truyền thông đa phương tiện	7320104	Truyền thông đa phương tiện	400
6	7320104_NTS	Nghệ thuật số	7320104	Truyền thông đa phương tiện	50
7	7320106	Công nghệ truyền thông	7320106	Công nghệ truyền thông	130
8	7340122	Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử	185
9	7340122_TD	Marketing số	7340122	Thương mại điện tử	185
10	7340405	Quản lý logistics và chuỗi cung ứng	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	60
11	7340406	Quản trị văn phòng	7340406	Quản trị văn phòng	160
12	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	Kỹ thuật phần mềm	210
13	7480103_KNU	Kỹ thuật phần mềm liên kết quốc tế	7480103	Kỹ thuật phần mềm	20
14	7480108	Kỹ thuật máy tính	7480108	Công nghệ kỹ thuật máy tính	70
15	7480101	Khoa học máy tính (Trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn)	7480101	Khoa học máy tính	100
16	7480202	An ninh mạng	7480202	An toàn thông tin	70
17	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	880
18	7480201_NN	Công nghệ thông tin trong nông nghiệp	7480201	Công nghệ thông tin	20
19	7480201_TD	Công nghệ thông tin trọng điểm	7480201	Công nghệ thông tin	50
20	7480201_QT	Công nghệ thông tin quốc tế	7480201	Công nghệ thông tin	30
21	7510212	Công nghệ ô tô	7510212	Công nghệ ô tô và giao thông thông minh	150
22	7510301	Kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	110
23	7510302	Điện tử - viễn thông	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	50
24	7510302_V	Vi mạch bán dẫn	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	50
25	7510303	Tự động hóa	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	160
26	7510303_NN	Công nghệ nông nghiệp	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	20
27	7520119	Cơ điện tử	7520119	Kỹ thuật cơ điện tử thông minh và Robot	60
VI	TRƯỜNG ĐH KHOA HỌC 1. Mã tuyển sinh: DTZ				3130

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
	2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://tnus.edu.vn/ , website tuyển sinh: https://tuyensinh.tnus.edu.vn/ 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0989.82.11.99				
1	7310612	Trung Quốc học	7310612	Trung Quốc học	550
2	7310614	Hàn Quốc học	7310614	Hàn Quốc học	200
3	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	60
4	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	150
5	7220201_GV	Ngôn ngữ Anh (CTĐT định hướng giáo viên Tiếng Anh)	7220201	Ngôn ngữ Anh	50
6	7220201_AT	Song ngữ Anh - Trung	7220201	Ngôn ngữ Anh	200
7	7220201_AH	Song ngữ Anh - Hàn	7220201	Ngôn ngữ Anh	50
8	7220112	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	7220112	Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	50
9	7340401	Quản lý nhân lực	7340401	Khoa học quản lý	120
10	7340401_QLKT	Quản lý kinh tế	7340401	Khoa học quản lý	50
11	7380101	Luật	7380101	Luật	200
12	7380101_LKT	Luật kinh tế	7380101	Luật	50
13	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	150
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	160
15	7810301	Quản lý Thể dục thể thao	7810301	Quản lý Thể dục thể thao	50
16	7320101	Quản trị truyền thông	7320101	Báo chí	100
17	7320201	Thư viện - Thiết bị trường học và Văn thư	7320201	Thông tin - Thư viện	50
18	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	70
19	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	7510401	Công nghệ kỹ thuật Hoá học	50
20	7720203	Hóa dược	7720203	Hóa dược	50
21	7720203_TD	Hóa dược, Chăm sóc sắc đẹp từ dược liệu	7720203	Hóa dược	50
22	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	50
23	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50
24	7440102_TD	Công nghệ bán dẫn	7440102	Công nghệ bán dẫn	60
25	7460101_TV	Toán học	7460101	Toán học	90
26	7460101_TA	Toán học	7460101	Toán học	30
27	7460117	Toán tin	7460117	Toán tin	60

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
28	7440102	Vật lý	7440102	Vật lý	30
29	7440112_KHTN	Khoa học Tự nhiên tích hợp STEM	7440112	Hóa học	50
30	7229030	Văn học	7229030	Văn học	130
31	7229010	Lịch sử- Địa lý - Pháp luật	7229010	Lịch sử	120
VII	TRƯỜNG ĐH NÔNG LÂM 1. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DTN 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: http://tuaf.edu.vn 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0965808518 - 0965809518				1500
1	7620110	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	40
2	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	100
3	7620205	Lâm sinh	7620205	Lâm sinh	50
4	7640101	Thú y	7640101	Thú y	180
5	7850103	Quản lý đất đai	7850103	Quản lý đất đai	80
6	7440301	Khoa học môi trường	7440301	Khoa học môi trường	40
7	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	70
8	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	50
9	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	Quản lý tài nguyên rừng	50
10	7620115	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	50
11	7540101	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	70
12	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50
13	7580109	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	7580109	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	40
14	7620101	Nông nghiệp công nghệ cao	7620101	Nông nghiệp công nghệ cao	70
15	7340301	Tài chính – Kế toán	7340301	Tài chính – Kế toán	40
16	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	40
17	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	40
18	7320205	Quản lý thông tin	7320205	Quản lý thông tin	40
19	7549002	Dược liệu và hợp chất thiên nhiên	7549002	Dược liệu và hợp chất thiên nhiên	40
20	7540101_CTTT	Công nghệ thực phẩm	7540101	Công nghệ thực phẩm	40
21	7620115_CTTT	Kinh tế nông nghiệp	7620115	Kinh tế nông nghiệp	40
22	7440301_CTTT	Khoa học và Quản lý môi trường	7440301	Khoa học và Quản lý môi trường	40
23	7810204_CTTT	Quản lý du lịch quốc tế	7810204	Quản lý du lịch quốc tế	30

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
24	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	60
25	7310110	Quản lý kinh tế	7310110	Quản lý kinh tế	60
Chỉ tiêu tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Hà Giang					
26	7220201_HG	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	30
27	7340301_HG	Tài chính – Kế toán	7340301	Tài chính – Kế toán	30
28	7480201_HG	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	7480201	Công nghệ và đổi mới sáng tạo	30
VIII	TRƯỜNG NGOẠI NGỮ 1. Mã tuyển sinh: DTF 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: http://sfl.tnu.edu.vn hoặc https://sfl.tnu.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc/ 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0375.252.876; 0916.869.526; 0989.313.101				1000
1	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	60
2	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	30
3	7220201	- Ngôn ngữ Anh - Song ngữ Anh – Hàn - Tiếng Anh du lịch	7220201	Ngôn ngữ Anh	510
4	7220204	- Ngôn ngữ Trung Quốc - Song ngữ Trung-Anh - Song ngữ Trung-Hàn - Tiếng Trung Quốc du lịch	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	400
IX	KHOA QUỐC TẾ 1. Mã tuyển sinh: DTQ 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://is.tnu.edu.vn ; https://tuyensinhis.tnu.edu.vn 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02083 549.188 – 0866.003.423				350
1	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	60
2	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	60
3	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	40
4	7340205	Công nghệ tài chính	7340205	Công nghệ tài chính	30
5	731060	Quốc tế học	731060	Quốc tế học	30
6	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100
7	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	30
X	PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH LÀO CAI 1. Mã Trường: DTP 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: http://laocai.tnu.edu.vn				930

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
	3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02143.900.991				
	Trình độ đại học				830
1	7620105	Chăn nuôi	7620105	Chăn nuôi	30
2	7620110	Khoa học cây trồng	7620110	Khoa học cây trồng	30
3	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	40
4	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100
5	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	200
6	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	150
7	7140202-TA	Giáo dục Tiểu học (Chương trình dạy và học bằng tiếng Anh)	7140202	Giáo dục Tiểu học	
8	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	160
9	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	120
10	7310101-KTS	Kinh tế số	7310101	Kinh tế	
	Trình độ cao đẳng				100
11	51140201	Giáo dục Mầm non	51140201	Giáo dục Mầm non	100
XI	PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH HÀ GIANG 1. Mã Trường: DTG 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: https://hagiang.tnu.edu.vn/ 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0986727323				610
	Trình độ đại học				560
1	SPM	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	150
2	SPT	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	200
3	SPH	Sư phạm Tiếng H'mong	7140227	Sư phạm Tiếng H'mong	50
4	NNT	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	160
	Trình độ cao đẳng				50
5	SPC	Giáo dục Mầm non	5114020	Giáo dục Mầm non	50
XII	TRƯỜNG CĐ KINH TẾ - KỸ THUẬT 1. Mã tuyển sinh: CDT1202 2. Thông tin tuyển sinh chi tiết xem tại: http://tec.tnu.edu.vn. 3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 0915 212 959				1070
1	6220206	Tiếng Anh	6220206	Tiếng Anh	30
2	6220211	Tiếng Hàn Quốc	6220211	Tiếng Hàn Quốc	120
3	6340301	Kế toán	6340301	Kế toán	30
4	6340302	Kế toán doanh nghiệp	6340302	Kế toán doanh nghiệp	60
5	6340114	Quản trị kinh doanh	6340114	Quản trị kinh doanh	45

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu
6	6340202	Tài chính – ngân hàng	6340202	Tài chính - ngân hàng	20
7	6850102	Quản lý đất đai	6850102	Quản lý đất đai	15
8	6640203	Thú y	6640203	Thú y	60
9	6620108	Khoa học cây trồng	6620108	Khoa học cây trồng	15
10	6520225	Điện tử công nghiệp	6520225	Điện tử công nghiệp	60
11	6520205	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	6520205	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	60
12	6520227	Điện Công nghiệp	6520227	Điện Công nghiệp	90
13	6510303	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	6510303	Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử	140
14	6520264	Tự động hóa công nghiệp	6520264	Tự động hóa công nghiệp	70
15	6510216	Công nghệ Ô tô	6510216	Công nghệ Ô tô	50
16	6520121	Cắt gọt kim loại	6520121	Cắt gọt kim loại	20
17	6520123	Công nghệ Hàn	6520123	Công nghệ Hàn	20
18	6510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	6510201	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	60
19	6480201	Công nghệ thông tin	6480201	Công nghệ thông tin	75
20	6480102	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	6480102	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	30
Tổng toàn Đại học Thái Nguyên					
Trình độ đại học					20.550
Trình độ cao đẳng					1.220

Lưu ý: Chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên ở trên là dự kiến. Chỉ tiêu chính thức Đại học Thái Nguyên sẽ thông báo khi Bộ Giáo dục và Đào tạo giao.